

Số: 02/QĐ-GDNNCNC

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2026 của Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp Nông nghiệp Công nghệ cao

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của bộ tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 394/QĐ-NNCNC ngày 18 tháng 12 năm 2025 của Ban Quản lý Khu Nông nghiệp Công nghệ cao về việc giao chỉ tiêu dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2026;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch – Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2026 của Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp Nông nghiệp Công nghệ cao (đính kèm Mẫu biểu 02 theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính và các bộ phận liên quan thuộc Trung tâm thực hiện Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- BQL Khu NNCNC;
- Các phòng thuộc TT;
- Lưu: VT.

GIÁM ĐỐC



Trần Minh Mẫn

Biểu số 2 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính

Đơn vị: **TRUNG TÂM GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP NÔNG NGHIỆP CNC**

Chương: **599**



DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 02/QĐ-GDNNCNC ngày 06 / 01 /2026 của Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp NNCNC)

Đvt: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
	Dự toán chi ngân sách nhà nước	25.257.000.000
I	Nguồn ngân sách nhà nước	25.257.000.000
1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên – Kinh phí tự chủ	0
1.1	Chi từ ngân sách thành phố	0
1.2	Chi từ nguồn CCTL ngân sách thành phố	0
2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên – Kinh phí không tự chủ	25.257.000.000
2.1	Chi từ ngân sách thành phố	20.182.000.000
2.2	Chi từ nguồn CCTL ngân sách thành phố	5.075.000.000
2.2.1	Chi chênh lệch tiền tăng lương cơ sở	1.407.000.000
2.2.1	Chi thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết của HĐND	3.435.000.000
2.2.2	Chi khen thưởng theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP	233.000.000



Chi tiết kinh phí không thường xuyên chi từ nguồn ngân sách Thành phố, không kể nguồn Các cách tiền lương NSTP, nguồn CCTL của đơn vị và phần dự toán chi thường xuyên giao tự chủ

Đơn vị tính: đồng

TT	Nội dung	Số tiền
1	Tiền lương và các khoản đóng góp theo lương	2.722.000.000
2	Chi hoạt động của các đơn vị theo định mức tạm giao	1.842.000.000
3	Tiền điện sử dụng tại nhà màng, nhà sản xuất thực nghiệm	777.000.000
4	Thuê mướn nhân công canh tác và chăm sóc các mô hình	364.000.000
5	Sửa chữa, duy tu tài sản:	715.000.000
5.1	Sửa chữa cơ sở vật chất hạ tầng tại Củ Chi	390.000.000
5.2	Sửa chữa máy móc thiết bị khu thực nghiệm	121.000.000
5.3	Sửa chữa xe ô tô 29 chỗ	76.000.000
5.4	Sửa chữa bảo trì xe bán tải 51B - 2209	43.000.000
5.5	Bảo trì + vệ sinh máy điều hoà nhiệt độ	21.000.000
5.6	Vệ sinh nhà màng	34.000.000
5.7	Sửa chữa, bảo trì máy phát điện	30.600.000
6	Mua sắm tài sản:	192.000.000
6.1	Mua máy photocopy tại VP Củ Chi	73.000.000
6.2	Mua máy điều hoà không khí âm trần (cassete) 2,5 HP	14.700.000
6.3	Máy điều hoà không khí 2 mảnh loại treo tường inverter 2.5HP	58.500.000
6.4	Máy điều hoà không khí 02 mảnh treo tường Inverter 01HP (02 cái)	45.800.000
7	Hoạt động dạy nghề	3.240.000.000
8	Mua hàng hóa, vật tư mô hình nông nghiệp:	2.487.000.000
8.1	Hàng hóa, vật tư 19 mô hình hiện hữu và mô hình mới	2.378.000.000
8.2	Vật tư, nguyên liệu trồng và chăm sóc hàng rào sinh học	109.000.000
9	Quảng bá hoạt động của Trung tâm để thu hút học viên	1.029.000.000
9.1	Tham gia hội cho triển lãm hội thi hội giảng	967.000.000
9.2	Tổ chức hội thảo	62.000.000
10	Mua, in ấn tài liệu chuyên môn	65.000.000
11	Chi hoạt động dạy nghề theo các chương trình	6.749.000.000
11.1	Chương trình Phát triển Giống cây, con và Nông nghiệp Công nghệ cao	1.429.000.000
11.2	Chương trình Hợp tác với các địa phương tại TPHCM	2.858.000.000
11.3	Chương trình khuyến nông	2.072.000.000
11.4	Chương trình hợp tác phát triển KT-XH với các địa phương	390.000.000

